

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-3-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Ông Lê Phú Chánh Thê.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Lệ K, sinh năm 1983;

ĐKTT: ấp Tân Đ (ấp 8), xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Thập T (ấp 2), xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: ông Phan Tấn C, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Tân Đ 2 (ấp 8), xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà K có mặt; ông C vắng mặt (ông C có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là bà Trần Lệ K trình bày:

Hôn nhân của bà và ông Phan Tấn C là do tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào ngày 28/10/2003.

Sau khi kết hôn ông bà cùng nhau làm việc và tạo dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho các con. Tuy nhiên, ông C thường hay cờ bạc, không lo làm ăn mà còn chửi mắng, đánh đập bà. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông vẫn không chịu từ bỏ. Vào tháng 7/2021, bà thấy ông vẫn không thay đổi nên tiếp tục khuyên để ông lo làm ăn, lo cho các con nhưng ông không nghe mà còn chửi

mắng, đuổi bà đi nên bà về nhà mẹ ruột tại ấp 2, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre sinh sống. Trong thời gian ly thân, bà và ông C đều có cuộc sống riêng, hai bên không còn quan tâm và giúp đỡ nhau như trước. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông C không còn hạnh phúc, ông bà không còn tình cảm và không thể nào hàn gắn, tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Bà và ông C có 02 người con chung là Phan Lê T, sinh ngày 09/6/2005 và Phan Thị Thúy V, sinh ngày 13/5/2010, hiện đang sống chung với ông C. Bà giao 02 người con chung cho ông C nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông C tự thỏa thuận về tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là ông Phan Tấn C trình bày:

Ông và bà K kết hôn vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/4/2003, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông và bà K chung sống tại địa chỉ ấp 8, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Lúc đầu ông bà chung sống hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn mà do bà K tự bỏ nhà đi từ ngày 5/5/2021 âm lịch cho đến nay, không về nhà lần nào. Nay bà K yêu cầu xin ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung, ông và bà K có 02 người con chung là Phan Lê T, sinh ngày 09/6/2005 và Phan Thị Thúy V, sinh ngày 13/5/2010, hiện tại đang sống chung với ông, do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn với bà K, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông không yêu cầu bà K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, ông và bà K tự thỏa thuận, ông và bà K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm xa nên ông xin vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử tại Tòa án các cấp. Ông cam đoan không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà K trình bày bà và ông C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S vào ngày 10/4/2003. Do bà và ông C không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Trần Lê K thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn ông Phan Tấn C không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/01/2022 là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Lệ K. Bà Trần Lệ K được ly hôn với ông Phan Tấn C.

- Về con chung: giao cháu Phan Lệ T, sinh ngày 09/6/2005 và Phan Thị Thúy V, sinh ngày 13/5/2010 cho ông Phan Tấn C tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận ông C không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Bà K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà K thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Lệ K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Phan Tấn C. Ông C cư trú tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông C có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà K và ông C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà K, ông C và theo biên bản xác minh ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì bà K và ông C phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được và ông bà không cùng chung sống với nhau từ khoảng tháng 7/2021 cho đến nay. Đồng thời, ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K.

Xét thấy, bà K và ông C không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K để giải quyết cho bà K được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: căn cứ theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà K và ông C có 02 người con chung là Phan Lê T, sinh ngày 09/6/2005 và Phan Thị Thúy V, sinh ngày 13/5/2010, hiện đang sống chung với ông C. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, bà K đồng ý giao con chung cho ông K nuôi dưỡng. Đồng thời cháu T và cháu V có nguyện vọng được sống với ông C. Như vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu V cho ông C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông C có quyền yêu cầu bà K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu V. Tuy nhiên do ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà K và ông C cùng trình bày ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà K phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Lệ K. Bà Trần Lệ K được ly hôn với ông Phan Tấn C.

2. Về con chung: giao cháu Phan Lê T, sinh ngày 09/6/2005 và cháu Phan Thị Thúy V, sinh ngày 13/5/2010 cho ông Phan Tấn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc ông Phan Tấn C không yêu cầu bà Trần Lệ K cấp dưỡng cho con.

Bà Trần Lệ K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận việc bà Trần Lệ K và ông Phan Tấn C cùng trình bày ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Lệ K phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004603 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền